TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO L** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/**2023/HNGĐ- ST
Ngày : 05- 01- 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hà Vi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Đức Lâm**
2. Bà **Trần Thị Quế**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Ka Hít**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 272/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/ QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hồng T**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Số 332/39 đường Trần Phú, tổ 13, thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Số 332/39 đường Trần Phú, tổ 13, thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Phạm Thị Hồng T có mặt; anh Nguyễn Mạnh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình, anh T đi làm không mang lương về phụ chị T chăm lo cho con và chi tiêu sinh hoạt hằng ngày trong gia đình dẫn đến cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Phạm Thị Hồng T yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng T trình bày quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Mạnh T có 01 người con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 01/3/2020. Ly hôn chị Phạm Thị Hồng T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị Hồng T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Hồng T trình bày chị và anh Nguyễn Mạnh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng T trình bày chị và anh Nguyễn Mạnh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T trình bày: Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn không đề ngày được nộp tại Tòa án nhân dân huyện Bảo L ngày 31/10/2022 anh Nguyễn Mạnh T trình bày ngày 21/10/2022 anh T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 272/ TB- TLVA của Tòa án nhân dân huyện Bảo L, anh T thuận tình ly hôn, yêu cầu giải quyết cho anh T và chị T được ly hôn, về con chung giao con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 01/3/2020 cho chị T nuôi dưỡng, không yêu cầu phụ cấp, về tài sản chung và nợ chung không có.

Đến ngày 06/12/2022 anh Nguyễn Mạnh T thay đổi lời khai, tại bản tự khai ngày 06/12/2022 anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên tới năm 2021 anh T có nợ bên ngoài một khoản tiền làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình. Từ đó đến nay anh T đã không nợ thêm khoản nợ nào khác mà đã cố gắng trả được phần lớn khoản nợ trên. Hiện nay vợ chồng anh T và chị T vẫn sống bình thường, mặt khác anh T vẫn còn tình cảm với chị T, anh T không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh T và chị T

Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh T trình bày quá trình chung sống anh và chị Phạm Thị Hồng T có 01 người con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 01/3/2020. Ly hôn anh Nguyễn Mạnh T đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2023.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Mạnh T trình bày anh và chị Phạm Thị Hồng T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Mạnh T trình bày anh và chị Phạm Thị Hồng T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/11/2022 nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Chị Phạm Thị Hồng T yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung với anh Nguyễn Mạnh T, có địa chỉ tại Số 332/39 đường Trần Phú, tổ 13, thị trấn Lộc T,

huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo L.

II. Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Lộc T, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Theo chị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh T không có trách nhiệm với vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình, anh T đi làm không mang lương về phụ chị T chăm lo cho con và chi tiêu sinh hoạt hằng ngày trong gia đình dẫn đến cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị Phạm Thị Hồng T yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh T.

Còn anh Nguyễn Mạnh T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có xảy ra việc cãi vã. Nhưng anh T còn thương yêu vợ con, anh T hữa sẽ thay đổi bản thân để chăm lo cho gia đình, do vậy anh T không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ cho anh T và chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Bên cạnh đó Tòa án tiến hành triệu tập anh T làm việc để hàn gắn tình cảm nhưng anh T có đơn xin vắng mặt chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác M tại chính quyền địa phương không nắm rõ được mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh T. Trong hồ sơ vụ án thể hiện nhiều lần anh T và chị T thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn, trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện chị T giao nộp có đơn khởi kiện về việc ly hôn và đơn đề nghị về việc yêu cầu không hòa giải ly hôn không đề ngày tháng năm được cả chị T và anh T kí tên, nội dung đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy có cơ sở để khẳng định giữa chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn nhiền lần. Mâu thuẫn chính của vợ chồng là do anh T không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến cãi vã, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Xét thấy hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không hàn gắn tình cảm được nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

{2} Về con chung: Xét lời khai của chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T, căn cứ vào giấy khai sinh chị Phạm Thị Hồng T nộp cho Tòa án thì quá trình chung sống chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T có 01 người con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 01/3/2020. Ly hôn chị Phạm Thị Hồng T có yêu cầu nuôi dưỡng con chung, còn anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng.

Hiện nay con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và xét nguyện vọng nuôi con và giao con của chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T là có cơ sở và đúng pháp luật, vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 01/3/2020 cho chị Phạm Thị Hồng T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Hồng T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn anh Nguyễn Mạnh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng từ tháng 01/2023. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Mạnh T là đúng quy định của pháp luật và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh Nguyễn Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 01/2023.

{3} Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T trình bày quá trình chung sống không có tài sản chung, ly hôn chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không đề cấp đến.

{4} Về nợ chung: Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T trình bày quá trình chung sống hai người không có nợ chung nên không có yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

{5} Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Phạm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 70, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Mạnh T về việc *"Xin ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Mạnh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quang M, sinh ngày 01/3/2020 cho chị Phạm Thị Hồng T chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 01/2023.

"Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Phạm Thị Hồng T đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0009589 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Chị Phạm Thị Hồng T đã nộp xong.

Buộc anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Bảo L;*
- *Chi cục THADS huyện Bảo L;*
- *UBND xã thị trấn Lộc T, huyện Bảo L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trần Thị Hà Vi